

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 14

Tại phòng: 218

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900001	9A3	Bùi Khánh An	03/04/2011	
2	900002	9A6	Đỗ Xuân An	19/09/2011	
3	900003	9A5	Hoàng Chúc An	11/09/2011	
4	900004	9A3	Lê Hoàng An	20/07/2011	
5	900005	9A2	Lê Nguyễn Khánh An	16/07/2011	
6	900006	9A1	Nguyễn Hữu An	22/09/2011	
7	900007	9A1	Nguyễn Khánh An	30/07/2011	
8	900008	9A6	Nguyễn Lê Duy An	21/03/2011	
9	900009	9A3	Phạm Nguyễn Bình An	03/11/2011	
10	900010	9A3	Trần Thị Phương An	12/12/2011	
11	900011	9A3	Dương Nguyệt Anh	21/09/2011	
12	900012	9A1	Lại Hiền Anh	22/06/2011	
13	900013	9A4	Lê Nam Anh	07/02/2011	
14	900014	9A4	Lê Nguyên Anh	16/05/2011	
15	900015	9A1	Ngô Đức Anh	22/05/2011	
16	900016	9A5	Nguyễn Đỗ Diệp Anh	24/08/2011	
17	900017	9A6	Nguyễn Hoàng Anh	28/05/2011	
18	900018	9A6	Nguyễn Hồng Anh	02/09/2011	
19	900019	9A4	Nguyễn Phương Anh	23/02/2011	
20	900020	9A6	Nguyễn Tâm Anh	10/11/2011	
21	900021	9A2	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	11/05/2011	
22	900022	9A5	Nguyễn Tú Anh	23/11/2011	
23	900023	9A3	Phạm Hồng Anh	26/10/2011	
24	900024	9A5	Tạ Việt Anh	06/08/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 15

Tại phòng: 220

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900025	9A1	Trịnh Bảo Anh	24/06/2011	
2	900026	9A5	Trịnh Đức Anh	20/01/2011	
3	900027	9A2	Vũ Bảo Anh	21/09/2011	
4	900028	9A4	Vũ Hà Anh	11/12/2011	
5	900029	9A4	Vũ Trâm Anh	19/03/2011	
6	900030	9A2	Vũ Tuấn Anh	30/07/2011	
7	900031	9A1	Tạ Hồng Ánh	04/03/2011	
8	900032	9A2	Đặng Hoàng Bách	12/12/2011	
9	900033	9A4	Phạm Sơn Bách	05/10/2011	
10	900034	9A3	Châu Thái Bảo	10/11/2011	
11	900035	9A4	Đàm Văn Thái Bảo	22/06/2011	
12	900036	9A3	Trần Thế Bằng	12/09/2011	
13	900037	9A2	Nguyễn Đức Bình	04/10/2011	
14	900038	9A6	Nguyễn Thị Cẩm Bình	01/04/2011	
15	900039	9A6	Dương Tuệ Châu	16/01/2011	
16	900040	9A2	Hồ Minh Châu	05/04/2011	
17	900041	9A1	Lê Hà Bảo Châu	15/02/2011	
18	900042	9A2	Nguyễn Vũ Bảo Châu	28/09/2011	
19	900043	9A5	Doãn Tùng Chi	21/09/2011	
20	900044	9A4	Đặng Ngọc Thảo Chi	19/06/2011	
21	900045	9A5	Đinh Diệp Chi	08/11/2011	
22	900046	9A5	Hoàng Bảo Chi	28/10/2011	
23	900047	9A2	Lê Nguyễn Tùng Chi	14/02/2011	
24	900048	9A3	Ngô Khánh Chi	29/03/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 16

Tại phòng: 221

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900049	9A6	Nguyễn Hà Chi	18/03/2011	
2	900050	9A1	Nguyễn Khánh Chi	21/03/2011	
3	900051	9A2	Nguyễn Mai Chi	14/05/2011	
4	900052	9A1	Phùng Ngọc Tùng Chi	13/08/2011	
5	900053	9A6	Từ Thùy Chi	07/03/2011	
6	900054	9A2	Chữ Minh Chính	21/01/2011	
7	900055	9A5	Đinh Thế Cường	27/10/2011	
8	900056	9A1	Nguyễn Bích Diễm	24/02/2011	
9	900057	9A5	Đào Hoàng Bích Diệp	02/05/2011	
10	900058	9A1	Đỗ Thị Phương Dung	11/04/2011	
11	900059	9A2	Nguyễn Phương Dung	23/07/2011	
12	900060	9A2	Nguyễn Trí Khánh Duy	02/03/2011	
13	900061	9A3	Nguyễn Đăng Dương	20/05/2011	
14	900062	9A5	Nguyễn Hoàng Dương	30/06/2011	
15	900063	9A6	Nguyễn Vũ Tuệ Dương	08/03/2011	
16	900064	9A5	Phạm Lê Nam Dương	07/02/2011	
17	900065	9A6	Nguyễn Tiến Đạt	07/03/2011	
18	900066	9A1	Bùi Minh Đức	26/11/2011	
19	900067	9A5	Hoàng Tuấn Đức	11/03/2011	
20	900068	9A3	Dương Châu Giang	28/03/2011	
21	900069	9A3	Lê Trường Giang	23/07/2011	
22	900070	9A4	Lương Linh Giang	26/01/2011	
23	900071	9A5	Nguyễn Cát Bảo Giang	17/08/2011	
24	900072	9A5	Nguyễn Hương Giang	20/09/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số:

17

Tại phòng:

301

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900073	9A5	Phạm Hương Giang	03/12/2011	
2	900074	9A4	Trần Hương Giang	18/10/2011	
3	900075	9A3	Trần Minh Giang	03/05/2011	
4	900076	9A1	Trần Thị Thanh Giang	30/01/2011	
5	900077	9A3	Vũ Hương Giang	02/08/2011	
6	900078	9A4	Đinh Thúy Hà	05/12/2011	
7	900079	9A3	Lưu Quang Hà	04/10/2011	
8	900080	9A4	Nguyễn Ngọc Hà	08/01/2011	
9	900081	9A1	Phạm Khánh Hà	05/02/2011	
10	900082	9A4	Phạm Mỹ Hà	06/05/2011	
11	900083	9A5	Trần Đỗ Ngân Hà	11/03/2011	
12	900084	9A4	Đặng Nam Hải	09/10/2011	
13	900085	9A1	Ngô Nam Hải	06/09/2011	
14	900086	9A1	Nguyễn Hải	26/02/2011	
15	900087	9A2	Nguyễn Thanh Hải	19/05/2011	
16	900088	9A4	Phạm Trường Hải	16/03/2011	
17	900089	9A1	Phạm Việt Hải	24/02/2011	
18	900090	9A4	Bùi Ngọc Chu Hân	10/10/2011	
19	900091	9A3	Nguyễn Vũ Bảo Hân	08/04/2011	
20	900092	9A2	Phạm Ngọc Bảo Hân	20/10/2011	
21	900093	9A1	Trần Bảo Hân	19/02/2011	
22	900094	9A1	Đặng Vũ Hiệp	14/11/2011	
23	900095	9A1	Đỗ Minh Hiếu	12/01/2011	
24	900096	9A2	Lương Đức Hiếu	07/09/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 18

Tại phòng: 302

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900097	9A4	Nguyễn Đạt Hiếu	27/07/2011	
2	900098	9A1	Nguyễn Minh Hiếu	09/09/2011	
3	900099	9A6	Nguyễn Diệu Hoa	09/08/2011	
4	900100	9A2	Đoàn Đức Hòa	13/04/2011	
5	900101	9A5	Lê Trọng Hoàng	02/02/2011	
6	900102	9A3	Hoàng Lê Hùng	14/01/2011	
7	900103	9A6	Nguyễn Minh Hùng	08/12/2011	
8	900104	9A4	Đinh Ngọc Huy	28/03/2011	
9	900105	9A2	Giang Gia Huy	31/10/2011	
10	900106	9A2	Lê Quang Huy	14/03/2011	
11	900107	9A4	Nguyễn Đăng Huy	23/08/2011	
12	900108	9A4	Nguyễn Minh Huy	01/01/2011	
13	900109	9A5	Phạm Xuân Huy	19/06/2011	
14	900110	9A6	Phan Gia Huy	16/06/2011	
15	900111	9A6	Tổng Gia Huy	06/03/2011	
16	900112	9A1	Trần Đức Huy	07/11/2011	
17	900113	9A4	Trần Gia Huy	20/10/2011	
18	900114	9A4	Hà Nguyên Hưng	01/10/2011	
19	900115	9A6	Lê Quốc Hưng	03/03/2011	
20	900116	9A4	Nguyễn Hữu Phúc Hưng	28/03/2011	
21	900117	9A2	Phạm Gia Hưng	08/12/2011	
22	900118	9A5	Thái Gia Hưng	27/12/2011	
23	900119	9A1	Hàn Ngô Quỳnh Hương	20/12/2011	
24	900120	9A3	Lê Minh Khang	06/08/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 19

Tại phòng: 303

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900121	9A5	Lê Nguyên Khang	04/02/2011	
2	900122	9A2	Nguyễn Hà Khang	15/01/2011	
3	900123	9A2	Phạm Minh Khang	18/10/2011	
4	900124	9A5	Nguyễn Đức Tuấn Khanh	28/04/2011	
5	900125	9A6	Trần Minh Khanh	09/11/2011	
6	900126	9A1	Lưu Bảo Khánh	19/04/2011	
7	900127	9A4	Nguyễn Duy Khánh	04/12/2011	
8	900128	9A6	Nguyễn Nam Khánh	13/05/2011	
9	900129	9A6	Nguyễn Vũ Ngân Khánh	08/03/2011	
10	900130	9A5	Trịnh Quang Khánh	26/04/2011	
11	900131	9A4	Đào Đăng Khoa	23/04/2011	
12	900132	9A2	Đỗ Đăng Khoa	14/02/2011	
13	900133	9A6	Đỗ Đăng Khoa	19/11/2011	
14	900134	9A6	Đỗ Nguyễn Đăng Khoa	04/03/2011	
15	900135	9A5	Nguyễn Thế Gia Khoa	15/07/2011	
16	900136	9A3	Hoàng Minh Khôi	19/07/2011	
17	900137	9A3	Nguyễn Minh Khôi	06/06/2011	
18	900138	9A5	Nguyễn Minh Khôi	22/12/2011	
19	900139	9A1	Lê Đức Kiên	02/07/2011	
20	900140	9A1	Dương Tuấn Kiệt	30/07/2011	
21	900141	9A5	Nguyễn Hà Lam	02/12/2011	
22	900142	9A1	Phạm Hải Lam	16/01/2011	
23	900143	9A2	Lê Tùng Lâm	21/04/2011	
24	900144	9A3	Nguyễn Bá Lâm	19/05/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 20

Tại phòng: 304

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900145	9A2	Nguyễn Tùng Lâm	25/03/2011	
2	900146	9A3	Nguyễn Tùng Lâm	25/11/2011	
3	900147	9A5	Nguyễn Tùng Lâm	26/07/2011	
4	900148	9A3	Phạm Tùng Lâm	24/01/2011	
5	900149	9A2	Bế Diệp Linh	06/09/2011	
6	900150	9A5	Bùi Văn Linh	13/07/2011	
7	900151	9A2	Lê Khánh Linh	11/01/2011	
8	900152	9A3	Nguyễn Đạt Gia Linh	03/12/2011	
9	900153	9A5	Nguyễn Ngọc Linh	13/04/2011	
10	900154	9A1	Nguyễn Phương Linh	12/02/2011	
11	900155	9A6	Nguyễn Phương Linh	23/03/2011	
12	900156	9A5	Nguyễn Thảo Linh	18/02/2011	
13	900157	9A5	Nguyễn Trần Hiền Linh	25/09/2011	
14	900158	9A5	Nguyễn Trúc Linh	18/03/2011	
15	900159	9A3	Nguyễn Tuệ Linh	06/09/2011	
16	900160	9A2	Phan Hoàng Linh	11/07/2011	
17	900161	9A2	Trần Ngọc Phương Linh	15/07/2011	
18	900162	9A5	Vũ Khánh Linh	14/03/2011	
19	900163	9A3	Vũ Trần Đan Linh	02/02/2011	
20	900164	9A4	Hoàng Gia Lương	14/03/2011	
21	900165	9A4	Lê Nhật Mai	19/03/2011	
22	900166	9A3	Tăng Ban Mai	14/05/2011	
23	900167	9A6	Vũ Phương Mai	28/12/2011	
24	900168	9A4	Bùi Hữu Minh	15/12/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 21

Tại phòng: 306

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900169	9A4	Dương Nhật Minh	06/01/2011	
2	900170	9A4	Dương Thảo Hồng Minh	20/04/2011	
3	900171	9A3	Dương Tuệ Minh	26/04/2011	
4	900172	9A5	Đặng Phạm Thảo Minh	12/09/2011	
5	900173	9A5	Đỗ Lê Minh	23/09/2011	
6	900174	9A3	Đỗ Nhật Minh	02/06/2011	
7	900175	9A6	Hoàng Hiễn Minh	11/07/2011	
8	900176	9A3	Hồ Quang Minh	04/10/2011	
9	900177	9A3	Kiều Tuệ Minh	26/12/2011	
10	900178	9A5	Lê Đức Minh	04/10/2011	
11	900179	9A3	Lê Hoàng Minh	09/02/2011	
12	900180	9A3	Nguyễn Đăng Tuấn Minh	21/08/2011	
13	900181	9A1	Nguyễn Lê Hiếu Minh	21/11/2011	
14	900182	9A1	Nguyễn Nhật Minh	10/07/2011	
15	900183	9A1	Nguyễn Phú Minh	14/11/2011	
16	900184	9A2	Nguyễn Quang Minh	06/01/2011	
17	900185	9A6	Nguyễn Tuấn Minh	13/06/2011	
18	900186	9A1	Nguyễn Vũ Bình Minh	13/06/2011	
19	900187	9A5	Phạm Hải Minh	13/09/2011	
20	900188	9A4	Trần Nhật Minh	27/05/2011	
21	900189	9A1	Trịnh Gia Minh	15/04/2011	
22	900190	9A6	Vũ Hiểu Minh	20/10/2011	
23	900191	9A4	Hoàng Nguyễn Trà My	20/11/2011	
24	900192	9A4	Nguyễn Lan My	05/02/2011	
25					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 22

Tại phòng: 308

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900193	9A3	Lê Bảo Nam	29/12/2011	
2	900194	9A2	Mai Trúc Nam	23/07/2011	
3	900195	9A2	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	15/10/2011	
4	900196	9A6	Nguyễn Thành Nam	24/09/2011	
5	900197	9A1	Nguyễn Vũ Khánh Nam	22/04/2011	
6	900198	9A2	Trần Bảo Nam	08/03/2011	
7	900199	9A4	Trịnh Hoàng Nam	04/10/2011	
8	900200	9A3	Bùi Khánh Nga	16/11/2011	
9	900201	9A6	Trần Bảo Ngân	18/06/2011	
10	900202	9A4	Cao Lê Bảo Ngọc	08/12/2011	
11	900203	9A5	Dương Minh Ngọc	13/03/2011	
12	900204	9A3	Đặng Minh Ngọc	02/02/2011	
13	900205	9A4	Lê Minh Ngọc	27/05/2011	
14	900206	9A4	Lê Trần Minh Ngọc	05/09/2011	
15	900207	9A1	Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc	04/02/2011	
16	900208	9A5	Nguyễn Linh Ngọc	27/10/2011	
17	900209	9A2	Vũ Bảo Ngọc	04/07/2011	
18	900210	9A6	Bùi Khôi Nguyên	12/02/2011	
19	900211	9A6	Cao Thảo Nguyên	21/06/2011	
20	900212	9A4	Lê Phúc Nguyên	06/08/2011	
21	900213	9A4	Lê Xuân Nguyên	23/01/2011	
22	900214	9A5	Nguyễn Khắc Bảo Nguyên	08/06/2011	
23	900215	9A6	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	07/03/2011	
24	900216	9A3	Nguyễn Xuân Khánh Nguyên	26/02/2011	
25	900217	9A1	Trần Đức Nguyên	24/08/2011	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 23

Tại phòng: 309

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900218	9A1	Trần Giang Thảo Nguyên	18/03/2011	
2	900219	9A3	Trần Khôi Nguyên	28/05/2011	
3	900220	9A3	Đinh Minh Nguyễn	31/08/2011	
4	900221	9A6	Lê Minh Nhã	21/05/2011	
5	900222	9A4	Lê Minh Nhật	22/04/2011	
6	900223	9A3	Nguyễn Hiền Nhi	18/04/2011	
7	900224	9A6	Phan Lã Nhi	26/11/2011	
8	900225	9A5	Phan Thảo Nhi	27/06/2011	
9	900226	9A4	Trần Lê Yên Nhi	13/11/2011	
10	900227	9A2	Phạm Tâm Như	10/04/2011	
11	900228	9A5	Triệu Quỳnh Như	06/10/2011	
12	900229	9A2	Trịnh Tổ Như	05/03/2011	
13	900230	9A1	Nguyễn Hải Phong	05/06/2011	
14	900231	9A4	Phạm Gia Phong	08/04/2011	
15	900232	9A6	Trịnh Minh Phong	03/09/2011	
16	900233	9A1	Vũ Thiện Phong	17/11/2011	
17	900234	9A1	Đinh Quang Phúc	09/03/2011	
18	900235	9A6	Nguyễn Bảo Phúc	23/07/2011	
19	900236	9A6	Nguyễn Văn Phúc	30/10/2011	
20	900237	9A4	Phạm Hồng Phúc	19/11/2011	
21	900238	9A5	Thiều Hồng Phúc	16/03/2011	
22	900239	9A2	Bùi Bảo Phương	22/04/2011	
23	900240	9A4	Bùi Mai Phương	29/03/2011	
24	900241	9A6	Hoàng Mai Phương	31/08/2011	
25	900242	9A1	Lê Khánh Phương	15/03/2011	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 24

Tại phòng: 310

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900243	9A6	Ngô Lan Phương	31/05/2011	
2	900244	9A1	Nguyễn Hà Phương	21/10/2011	
3	900245	9A6	Nguyễn Mai Phương	13/01/2011	
4	900246	9A1	Nguyễn Ngọc Minh Phương	23/02/2011	
5	900247	9A2	Trần Tuệ Phương	02/06/2011	
6	900248	9A3	Trịnh Minh Phương	03/11/2011	
7	900249	9A2	Lê Duy Minh Quang	21/05/2011	
8	900250	9A1	Lê Tuấn Quang	19/04/2011	
9	900251	9A6	Vũ Đức Quân	19/01/2011	
10	900252	9A3	Nguyễn Thúy Quỳnh	28/02/2011	
11	900253	9A4	Nguyễn Tú Quỳnh	04/04/2011	
12	900254	9A6	Hoàng Bảo Sơn	08/02/2011	
13	900255	9A1	Nguyễn Minh Sơn	12/10/2011	
14	900256	9A3	Nguyễn Ngọc Sơn	09/01/2011	
15	900257	9A2	Nguyễn Minh Tâm	17/12/2011	
16	900258	9A3	Nguyễn Anh Thái	28/04/2011	
17	900259	9A3	Đỗ Trung Thành	24/10/2011	
18	900260	9A1	Lê Văn Thành	31/05/2011	
19	900261	9A5	Nguyễn Minh Thành	21/01/2011	
20	900262	9A1	Dương Thị Phương Thảo	07/09/2011	
21	900263	9A5	Lê Phương Thảo	16/11/2011	
22	900264	9A3	Nguyễn Quang Thắng	17/10/2011	
23	900265	9A6	Dương Đình Thịnh	09/07/2011	
24	900266	9A3	Nguyễn Minh Thu	13/11/2011	
25	900267	9A6	Nguyễn Minh Thu	08/07/2011	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ II,
KHỐI 9, MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH

Phòng số: 25

Tại phòng: 311

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900268	9A4	Hoàng Anh Thư	24/03/2011	
2	900269	9A5	Lê Minh Tiến	06/10/2011	
3	900270	9A2	Nguyễn Mai Trang	21/01/2011	
4	900271	9A4	Phạm Huyền Trang	23/04/2011	
5	900272	9A2	Trần Diệu Bảo Trâm	05/08/2011	
6	900273	9A6	Nguyễn Gia Trí	18/11/2011	
7	900274	9A6	Nguyễn Thế Minh Trí	24/05/2011	
8	900275	9A1	Phạm Phúc Trí	07/11/2011	
9	900276	9A4	Lý Ngọc Trúc	12/11/2011	
10	900277	9A6	Nguyễn Trần Minh Trung	15/03/2011	
11	900278	9A3	Phan Đoàn Nam Trung	06/02/2011	
12	900279	9A4	Vũ Phan Trung	30/05/2011	
13	900280	9A6	Phan Nguyệt Tú	10/04/2011	
14	900281	9A5	Giản Viết Hoàng Tùng	11/05/2011	
15	900282	9A2	Hoàng Minh Tùng	09/01/2011	
16	900283	9A3	Nguyễn Hải Tùng	20/08/2011	
17	900284	9A2	Nguyễn Phi Tùng	28/03/2011	
18	900285	9A5	Nguyễn Phong Tùng	10/02/2011	
19	900286	9A2	Nguyễn Thanh Tùng	24/09/2011	
20	900287	9A4	Nguyễn Ngọc Tường Uyên	08/10/2011	
21	900288	9A2	Trần Gia Lan Uyên	28/03/2011	
22	900289	9A6	Đào Hà Vi	11/08/2011	
23	900290	9A2	Trần Nguyễn Tường Vi	15/04/2011	
24	900291	9A2	Nguyễn Đông Yên	10/05/2011	
25	900292	9A6	Nguyễn Hải Yến	24/03/2011	